

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 30 đường Cù Chính Lan, Phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: (0228) 3649.510

Fax: (0228) 3636.679

Email: Ctycnnd30ccl@vnn.vn

Website: www.capnuocnamdinh.vn

Nam Định, tháng 03 năm 2025

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

QĐ:	Quyết định
UBND:	Ủy ban nhân dân
DTT:	Doanh thu thuần
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
HĐQT:	Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐLĐ:	Hợp đồng lao động
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CTCP:	Công ty cổ phần

I. NỘI DUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH
- Tên tiếng Anh: NAM DINH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CÔNG TY CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH
- Trụ sở chính: Số 30 đường Cù Chính Lan, Phường Vị Xuyên, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.
- Điện thoại: (0228)3649.510
- Fax: (0228) 3636.679
- Website: www.capnuocnamdinh.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 343.117.480.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 343.117.480.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ Long – Chủ tịch HĐQT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0600008000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/09/2024.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh nước sạch và thi công lắp đặt dây truyền công nghệ và đường ống cấp nước.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định là Nhà máy nước Nam Định, được xây dựng vào năm 1924 với công suất ban đầu 600m³/ngày đêm để phục vụ cho nhu cầu của bộ máy cai trị của Pháp tại địa phương. Vào thời gian này, nhân dân thành phố chỉ được sử dụng rất hạn chế qua một số vòi công cộng đặt ở hè phố.

Năm 1946, Nhà máy phải ngừng hoạt động do cuộc kháng chiến chống Pháp với phong trào tiêu thổ kháng chiến. Sau 10 năm ngừng hoạt động, với sự trợ giúp của Liên Xô cũ, Nhà máy đã được khôi phục lại nâng công suất lên 6.000m³/ngày đi vào hoạt động từ ngày 02/9/1956 vẫn với tên gọi là Nhà máy nước Nam Định.

Năm 1992, Nhà máy được đổi tên thành Công ty Cấp Nước Nam Hà. Đến năm 1997 đổi tên thành Công ty Cấp Nước Nam Định.

Để phù hợp với cơ chế thị trường, theo Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty cấp nước Nam Định thành Công ty TNHH Một thành viên kinh doanh nước sạch Nam Định, Công ty chính thức được chuyển đổi sang mô hình Công ty

TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600008000 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Cùng với việc sản xuất kinh doanh nước sạch, Công ty đã mở rộng thêm một số ngành nghề kinh doanh như: Sản xuất nước tinh khiết, thi công xây lắp, kinh doanh vật tư phụ tùng thiết bị ngành nước, sản xuất sản phẩm nhựa composit... để giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời giúp Công ty có thêm thu nhập để tái sản xuất và mở rộng quy mô.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thực hiện Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 21/03/2013 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt danh sách doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa trong năm 2013, Công ty đã từng bước triển khai thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định. Ngày 19/07/2017, UBND tỉnh Nam Định ra Quyết định số 1616/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định và Công văn số 496/UBND-VP5 phê duyệt Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định. Ngày 18/10/2017, Công ty phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tổ chức phiên bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài. Theo đó, toàn bộ 986.075 cổ phần (tương đương 2,87% vốn điều lệ tính theo mệnh giá) đã được phân phối hết cho 16 nhà đầu tư tham gia đấu giá. Ngày 29/12/2017, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0600008000 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/09/2024.

Với sự nỗ lực hết mình của CBCNV Công ty và sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương, từ một Công ty có qui mô nhỏ nay đã phát triển thành công ty có qui mô lớn, Tổng công suất hiện nay là 115.000 m³/ngđ đã gấp 192 lần so với ngày đầu thành lập, CBCNV thừa sơ khai chỉ là 5 người giờ đây đã lên tới 501 người, trong đó nhiều người có trình độ tay nghề cao, kỹ sư chuyên ngành có kinh nghiệm chứng tỏ doanh nghiệp đã từng bước phát triển đạt tới qui mô khá lớn cả về số và chất lượng. Công ty hiện là đơn vị chính có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác, xử lý, cung cấp nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

3.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0600008000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 28/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/09/2024, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Nam Định;	3600
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Tư vấn, thiết kế, lập dự toán, giám sát xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và cấp thoát nước;	4290
4	Tư vấn, thiết kế, lập dự toán, giám sát các công trình giao thông, thủy lợi, điện lực và các công trình cơ sở hạ tầng;	7110
5	Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay;	4299
6	Xây dựng nhà để ở	4101
7	Xây dựng nhà không để ở	4102
8	Xây dựng công trình đường sắt	4211
9	Xây dựng công trình đường bộ	4212
10	Xây dựng công trình điện	4221
11	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
12	Thi công lắp đặt thiết bị, dây truyền công nghệ cho các công trình cấp thoát nước.	4322
13	Sản xuất hóa chất, các sản phẩm nhựa, nhựa composit, các phụ kiện chuyên dụng;	2029
14	Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết;	4633
15	Kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa đồng hồ đo nước lạnh.	

3.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty:

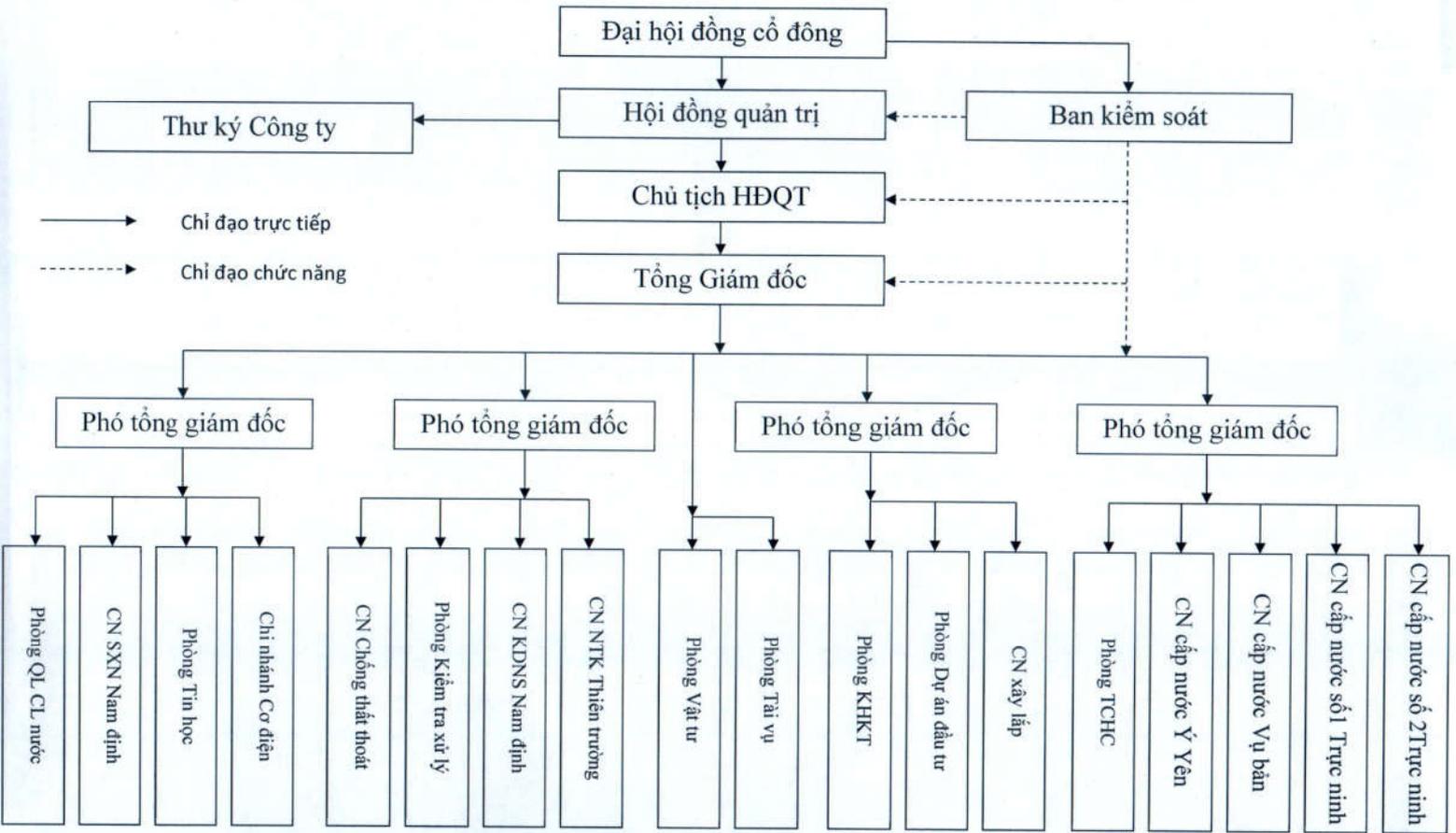
Địa bàn thành phố Nam Định và khu vực lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty:

Hiện tại, Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển, chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định



10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

❖ **Cơ cấu bộ máy quản lý**

✓ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.

Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.

✓ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 07 thành viên (trong đó bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 Phó Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

✓ **Ban kiểm soát:**

Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.

✓ **Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và có nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

✓ **Phó Tổng Giám đốc**

Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc quản lý, điều hành Công ty theo phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

✓ **Các Phòng, Ban, Chi nhánh và Các đơn vị trực thuộc của Công ty:**

Các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong các mảng công việc chuyên môn do bộ phận mình phụ trách, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty

✓ **Phòng Tổ chức – Hành chính**

Giúp việc Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, hành chính - quản trị, an toàn lao động, công tác bảo vệ và quân sự của Công ty; Đảm bảo điều kiện cần thiết cho các hoạt động của bộ máy điều hành Công ty.

Quản lý sổ cổ đông, chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Công ty và của pháp luật.

✓ **Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác kế hoạch sản xuất, kinh doanh dịch vụ, quản lý kỹ thuật sản xuất, máy móc thiết bị và mạng lưới cấp nước của Công ty khu vực do Chi nhánh Sản xuất nước sạch Nam Định cung cấp.

✓ **Phòng Tài vụ:**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác tài chính, kế toán, thống kê và hạch toán kinh tế của Công ty theo quy định của Nhà nước.

Phòng Quản lý dự án đầu tư

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các dự án mà công ty làm chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công.

Quản lý, điều hành công tác kế hoạch sản xuất, kinh doanh dịch vụ, quản lý kỹ thuật sản xuất, máy móc thiết bị và mạng lưới cấp nước của Công ty khu vực các đơn vị Huyện.

✓ **Phòng Kiểm tra – Xử lý**

Giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành công tác kiểm tra dịch vụ sử dụng nước của khách hàng và việc thực hiện nội quy, quy chế của các đơn vị trong Công ty theo Kế hoạch đã được Công ty duyệt.

Chủ động xử lý các vi phạm theo quy định của Công ty.

✓ **Phòng Tin học**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý điều hành các thiết bị, phần mềm liên quan tới công nghệ thông tin.

✓ **Phòng Vật tư**

Giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành đội xe ; Quản lý và thực hiện kế hoạch cung ứng vật tư trên cơ sở kế hoạch của các đơn vị đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt theo quy định.

✓ **Phòng Quản lý chất lượng nước**

Giúp việc Tổng Giám đốc quản lý, giám sát chất lượng nước của toàn Công ty, bao gồm nước nguồn, nước sản xuất của các đơn vị đến nơi tiêu thụ của khách hàng, nước uống tinh khiết Thiên Trường. Đảm bảo nước cung cấp cho khách hàng đạt tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế.

✓ **Chi nhánh Kinh doanh nước sạch Nam Định**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công tác kinh doanh, dịch vụ khách hàng, tổng hợp số liệu chuẩn thu, theo dõi, kiểm soát các thông tin liên quan đến khách hàng khu vực Chi nhánh Sản xuất nước sạch Nam Định cung cấp, ghi thu tiền nước hàng tháng, tham gia vào công tác chống thất thoát thất thu.

Tiếp nhận thông tin và sửa chữa cụm đồng hồ khách hàng (Từ Đại khởi thủy tới cụm đồng hồ).

✓ **Chi nhánh Chống thất thoát**

Giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý mạng lưới cấp nước khu vực TP Nam Định. Tổ chức triển khai kế hoạch truy tìm rò rỉ; sửa chữa mối chảy trên hệ thống cấp nước.

✓ **Chi nhánh sản xuất nước sạch Nam Định**

Chi nhánh Sản xuất nước là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty; Chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty; Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch. Đảm bảo sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn đủ số lượng và chất lượng theo TCVN hiện hành.

✓ **Chi nhánh Cơ điện**

Giúp việc Ban Tổng Giám đốc quản lý, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

✓ **Chi nhánh Xây lắp**

Chi nhánh hạch toán kinh tế phụ thuộc Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình cấp nước, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa Composite theo giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty và đăng ký kinh doanh của Chi nhánh.

✓ **Chi nhánh nước tinh khiết Thiên Trường**

Là đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc Công ty; Chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty; Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước uống Tinh khiết.

✓ **Chi nhánh cấp nước khu vực các huyện**

Các Chi nhánh là đơn vị sản xuất kinh doanh nước sạch trực thuộc Công ty; Chịu sự ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Công ty; Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch. Đảm bảo sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn đủ số lượng và chất lượng theo TCVN hiện hành; Ghi thu tiền nước hàng tháng, chống thất thoát thất thu hiệu quả nhất.

Thi công lắp đặt đường ống cấp nước, mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng khi được Công ty giao.

4.2 Các công ty con và công ty liên kết

- ❖ Các công ty con: Không có
- ❖ Các công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty.

- **Liên kết:** Liên kết các cổ đông, đối tác có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời thúc đẩy mạnh liên kết các bộ phận trong doanh nghiệp tạo ra chuỗi giá trị, nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- **Ngành nghề và sản phẩm:** Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát triển bền vững Công ty. Đảm bảo chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh nước sinh hoạt với dịch vụ tốt nhất tới người tiêu thụ.
- **Về kỹ thuật, công nghệ:** Từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra giá trị gia tăng cao. Hợp tác với đối tác nước ngoài trong việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quá trình vận hành nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.
- **Đổi mới:** Luôn đổi mới công nghệ và cải tiến công tác quản lý, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích sáng kiến cải tiến hợp lý sản xuất tiết kiệm chi phí.

5.2 Chiên lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng và mở rộng phạm vi cấp nước của thành phố, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp và các đô thị các huyện, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành và mở rộng mạng lưới cấp nước
- Đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.
- Xây dựng môi trường văn hoá công ty lành mạnh để mọi người trong công ty phấn khởi thi đua lao động, sáng tạo, phát triển thể chất và tăng cường mối quan hệ cộng đồng, khuyến khích các thành phần kinh tế và toàn xã hội vào việc bảo vệ nguồn nước, phát triển hệ thống cấp nước.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

- Thực hiện tốt công tác giảm tỷ lệ thất thoát nước;

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu nước sạch của khách hàng và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hoàn thành tốt nhiệm vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro kinh tế

Hệ thống mạng đường ống cấp nước và đồng hồ đầu nối đầu tư nhiều thời kỳ khác nhau, hiện nay đã xuống cấp, dẫn đến tỉ lệ thất thoát cao;

Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, thay thế đồng hồ hết niên hạn sử dụng phí rất lớn, đây là một trong những khó khăn lớn của công ty.

6.2. Rủi ro đặc thù

Đối với Công ty cấp nước, rủi ro đặc thù phổ biến là rủi ro thất thoát nước trong quản lý kinh doanh nước: Có thể do rò rỉ, chảy tràn trên mặt đất hoặc có thể do nước chảy ngầm trong lòng đất, chảy vào hệ thống công thoát nước.

6.3. Rủi ro khác

Công ty gặp rủi ro và chịu ảnh hưởng của thời tiết như: Mưa bão, lũ lụt nhiều làm cho chất lượng nước thô kém;

Ý thức về quản lý và bảo vệ tài nguyên nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế; các làng nghề phát triển, đô thị tăng nhanh, nước thải của Thành phố và các cụm dân cư xả thải ra nguồn tiếp nhận chưa được xử lý dẫn đến tình trạng nước thô có nguy cơ ô nhiễm cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2023 - 2024

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.142	277.710
Doanh thu thuần	270.142	277.710
Lợi nhuận gộp	92.215	92.878
Lợi nhuận thuần	37.281	38.416
Lợi nhuận khác	(101,352)	(793,888)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.180	37.622
Lợi nhuận sau thuế	33.042	33.361

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Bảng số 2: Tình hình thực hiện năm 2024 so Kế hoạch 2024, Thực hiện 2023

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So sánh thực hiện 2024 với	
			Kế hoạch 2024 (%)	Thực hiện 2023 (%)
Doanh thu thuần	269.598	277.710	3,01	2,80
Lợi nhuận trước thuế	36.442	37.622	3,24	1,19
Lợi nhuận sau thuế	31.500	33.361	5,91	0,97
Cổ tức (%)	7			

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2024, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024)

(*) Mức cổ tức thực hiện 2024 chính thức được thông qua tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên 2025

2. Tổ chức và nhân sự**2.1. Danh sách ban điều hành****Bảng số 3: Danh sách thành viên Ban Điều hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đinh Văn Hòa	Tổng Giám đốc
2	Trần Ngọc Chiến	Phó Tổng Giám đốc
3	Mai Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Đỗ Hữu Minh	Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Thị Hồng Phấn	Kế toán trưởng

Lý lịch và tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Điều hành:

2.1.1 Ông Đinh Văn Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Đinh Văn Hòa
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	16/02/1970
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	17 Văn Cao, phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Số CMTND:	036070008388 cấp ngày 12/4/2021 tại Cục cảnh sát
Điện thoại liên hệ:	0917.516.868
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	+ Cử nhân kinh tế - Trường Đại học Trường Thương mại và kinh tế Liên bang Nga + Cao học Quản lý Kinh tế Trường Đại học Chu Văn An chuyên ngành Quản lý Công
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ trước năm 2014 : Học tập và lao động, cộng tác viên và công tác tại thương vụ thuộc Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga. + Từ năm 2015 đến nay: Trưởng Phòng Kinh doanh; Trưởng phòng Tổ chức Hành chính; Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Nam Định + Từ ngày 29/12/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định + Từ tháng 2/2019 đến 07/2024: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định + Từ tháng 07/2024 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Trưởng Phòng Kinh doanh; Trưởng phòng Tổ chức Hành chính; Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Nam Định
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 122.176 cổ phần (tỷ lệ nắm giữ 0,36%) + Số cổ phần sở hữu đại diện CTCP Du lịch Nam Định: 6.347.673 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 18,50%)
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.2 Ông Trần Ngọc Chiến – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Trần Ngọc Chiến
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	17/04/1966
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	14/187 Đường 19/5 Phường Trần Tế Xương – Nam Định
Số CMTND:	036066002873 cấp ngày 02/06/2017 tại Cục Cảnh sát
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	+ Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước - Khoa Đô thị và Hạ tầng kỹ thuật – Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 5/1981 – 9/1986: Chiến sĩ – Tiểu đoàn I, Lữ đoàn 530 – Bộ Tư lệnh Công binh + Từ tháng 9/1987 – 11/1994: Công nhân vận hành Nhà máy nước Nam Định + Từ tháng 12/1994 – 6/1996: Công nhân lao động hợp tác tại Lybia + Từ tháng 11/1996 – 3/2005: Công nhân lắp đặt đường ống Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 4/2005 – 01/2006: Phó Giám đốc Nhà máy nước Vụ Bản - Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 02/2006 – 6/2011: Giám đốc Xí nghiệp nước sạch Trực Ninh - Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định + Từ tháng 7/2011 – 12/2017: Trưởng phòng Quản lý dự án đầu tư – Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Nam Định + Từ tháng 01/2018 đến 07/2024: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc + Từ tháng 07/2024 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỉ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.200 cổ phần (Tỉ lệ nắm

	giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.3 Ông Mai Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Mai Mạnh Hùng
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	12/06/1970
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	97 Chu Văn phòng Quang Trung thành phố Nam Định tỉnh Nam Định
Số CCCD:	036070007433, Ngày cấp: 01/03/2021, tại Cục cảnh sát
Điện thoại liên hệ:	0985013888
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Phó Tổng giám đốc
Quá trình công tác:	+ Tháng 2/1991 đến tháng 11/1994: nhân viên cơ điện – Công ty cấp nước Nam Hà + Tháng 12/1994 đến tháng 8/2000: Nhân viên kiểm tra – Công ty cấp nước Nam Định + Tháng 9/2000 đến tháng 01/2006: cán bộ kỹ thuật – Công ty cấp nước Nam Định + Tháng 02/2006 đến Tháng 6/2011: Phó giám đốc xí nghiệp kinh doanh nước sạch Vụ Bản – Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định + Tháng 7/2011 đến Tháng 6/2015: Phó giám đốc xí nghiệp sản xuất nước sạch thành phố Nam Định – Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định + Tháng 7/2015 đến Tháng 4/2017: Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Ý Yên – Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định

	+ Tháng 5/2017 đến tháng 7/2024: Giám đốc Chi nhánh sản xuất nước sạch thành phố Nam Định – Công ty cổ phần cấp nước Nam Định + Tháng 7/2024 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Công ty cổ phần cấp nước Nam Định.
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	+ Vợ: Đỗ Thị Vân Anh, sở hữu 6.500 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,019%) + Em gái: Mai Thị Tố Oanh, sở hữu 6.500 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,019%) + Em gái: Mai Thị Thúy Ngân, sở hữu 7.200 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Em rể: Nguyễn Công Lương, sở hữu 7.200 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Em trai: Mai Trung Tiến, sở hữu 6.200 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,018%) + Em dâu: Nguyễn Thị Tâm, sở hữu 6.000 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,017%)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.4 Ông Đỗ Hữu Minh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Đỗ Hữu Minh
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	21/01/1983
Nơi sinh:	Ninh Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	Yên Khánh – Ý Yên – Nam Định
Số CCCD:	037083005789 cấp ngày 08/03/2023 tại Cục cảnh sát
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510
Trình độ văn hóa:	12/12

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, kiêm trưởng phòng TCHC Công ty Cổ phần cấp nước Nam Định.
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> + Năm 2005: Công tác tại Công ty Cổ phần Vật liệu và xây lắp Nam Định + Từ tháng 4/2005 đến 5/2007: Nhân viên Xí nghiệp Vụ bản - Công ty cấp nước Nam Định. + Từ tháng 6/2007 đến 11/2008: Phó giám đốc Xí nghiệp Ý Yên - Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2015: Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh nước sạch Ý Yên - Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Vụ Bản + Từ tháng 7/2015 đến tháng 12/2017: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Vụ Bản + Từ tháng 01/2018 đến 04/2023: Phó Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng TCHC Công ty Cổ phần cấp nước Nam Định. + Từ tháng 04/2023 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng TCHC Công ty Cổ phần cấp nước Nam Định.
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	<ul style="list-style-type: none"> + Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.200 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> + Vợ: Trần Thị Bích Thảo, sở hữu 55.105 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,16%) + Em ruột: Đỗ Thị Thanh, sở hữu 2.800 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,008%) + Em rể: Phạm Minh Hiếu, sở hữu 100 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,0003%)
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.1.5 Bà Trần Thị Hồng Phấn – Kế toán trưởng

Họ và tên:	Trần Thị Hồng Phấn
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	15/10/1974
Nơi sinh:	Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:	111 Lộc Vượng, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Số CMTND:	035174002347 cấp ngày 01/03/2021 tại Cục cảnh sát
Điện thoại liên hệ:	(0228) 3649.510
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty:	Kế toán trưởng
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 1/1994 - 7/1999: Nhân viên phòng Kinh doanh – Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 7/1999 - 9/2006: Kế toán tại Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 9/2006 - 12/2007: Phó phòng Kế toán – Công ty cấp nước Nam Định + Từ tháng 2008 – 12/2017: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định + Từ tháng 2018 - 4/2022: trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Nam Định + Từ tháng 01/7/2022 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần cấp nước Nam Định
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 105.381 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,31%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:	+ Chị ruột: Trần Thị Hồng Vân, sở hữu 10.700 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,03%) + Em ruột: Trần Thị Minh Thu, sở hữu 7.100 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,02%) + Em rể: Nguyễn Văn Thịnh, sở hữu 6.300 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,018%)

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không

2.2. Những thay đổi ban điều hành:

Trong năm 2024, Công ty có 02 sự thay đổi nhân sự ở Ban Điều hành, cụ thể:

1. Ông Đinh Văn Hòa được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc vào ngày 11/07/2024 (Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Phó Tổng Giám đốc)

2. Ông Mai Mạnh Hùng được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc vào ngày 11/07/2024 (Chức vụ trước khi bổ nhiệm: Giám đốc Chi nhánh sản xuất nước sạch thành phố Nam Định – Công ty cổ phần cấp nước Nam Định)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tính đến ngày 31/12/2024 là 501 người.

2.4. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc:

Theo quy định của Chính phủ thời gian làm việc 40 giờ/tuần, người lao động phải làm việc theo đúng thời gian quy định. Cụ thể dưới đây:

Khởi văn phòng: Từ thứ 2 đến thứ 6 (Buổi sáng từ 7h00' - 11h 30'; buổi chiều từ 13h30' - 17h00').

Khởi trực tiếp sản xuất: Làm việc theo cơ chế khoán sản phẩm và theo giờ quy định riêng.

Điều kiện làm việc tốt, an toàn môi trường được đảm bảo. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hộ lao động, hưởng trợ cấp độc hại, chế độ bồi dưỡng ăn ca, làm thêm giờ....Các nguyên tắc về an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách đào tạo, tuyển dụng:

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương các đối tượng công ty cử đi học, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc và năng suất công việc cho người lao động. Đồng thời, Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm đến người lao động trong các ngày lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2024, Công ty thực hiện triển khai đầu tư dự án xây dựng nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh, Hải Hậu, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 21/HDHTKD, ngày 06 tháng 11 năm 2023, ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần đầu tư ngành nước DNP. Dự án với tổng vốn đầu tư 616.908.000.000 VND, phân chia kết quả kinh doanh dựa theo tỷ lệ góp vốn đầu tư (Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định là 42% và Công ty Cổ phần đầu tư ngành nước DNP là 58%). Tại 31/12/2024, tại Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty, ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang đầu tư vào Dự án là 14,93 Tỷ đồng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Bảng số 4: Tình hình tài chính của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tổng giá trị tài sản	481.698	471.602
Doanh thu thuần	270.142	277.710
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	37.281	38.416
Lợi nhuận khác	(101,35)	(793,89)
Lợi nhuận trước thuế	37.180	37.622
Lợi nhuận sau thuế	33.042	33.361

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 5: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,65	1,88
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	1,32	1,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,59	21,96

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,87	28,14
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Lần	8,61	9,88
Doanh thu thuần/Tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản BQ	Lần	0,56	0,58
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,23	12,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,98	9,06
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,86	7,07
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,80	13,83

(Nguồn: Số liệu tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 của CTCP Cấp nước Nam Định)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 34.311.748 cổ phần. Trong đó

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 32.490.748 cổ phiếu (chiếm 94,7%)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng): 1.821.000

cổ phiếu (chiếm 5,3%)

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 6: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/11/2024

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	524	34.311.748	100,00
1	Tổ chức	05	29.774.041	86,8
2	Cá nhân	519	4.537.707	13,2
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00
1	Tổ chức	0	0	0,00
2	Cá nhân	0	0	0,00
	Tổng cộng	524	34.311.748	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Cấp nước Nam Định tại ngày 20/11/2024

Bảng số 7: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 20/11/2024

Stt	Tên tổ chức, cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) trên VDL thực góp
1	UBND tỉnh Nam Định		Số 57 Đường Vị Hoàng - Thành phố Nam Định	16.984.315	49,5
2	Công ty cổ phần nhựa Thiếu niên Tiền Phong	0200167782, cấp lần đầu ngày 30/12/2004	Số 2 An Đà - Phường Lạch Tray - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng	4.632.086	13,5
3	Công ty cổ phần thiết bị xử lý nước Setfil	0102145558, cấp lần đầu ngày 19/01/2007	Phòng 107, nhà I9, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.726.267	5,03
4	Công ty cổ phần Du lịch Nam Định	0600001044, cấp lần đầu ngày 17/12/2004	Số 151 đường Nguyễn Du - Phường Vị Hoàng - Thành phố Nam Định - Nam Định	6.347.673	18,5
Tổng cộng				29.690.341	86,5

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định)

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường:

a. **Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:** Không

b. **Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:** Không

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm:** Không

b. **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất**

sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

- a. **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:** Không
- b. **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:** Không
- c. **Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** Không

6.4 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a. **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:** Không
- b. **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** Không.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a. **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không.
- b. **Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

- a. **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**
 - Số lượng lao động: 501 người.
 - Mức thu nhập bình quân đối với người lao động: 8.800.000đ
- b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động.

Về an toàn lao động: Công ty trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Hàng năm, Công ty hỗ trợ lương đối với những người công ty cử đi học, đào tạo học việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi về thời gian và công việc cho cán bộ và người lao động tham gia các lớp học tại chức, khóa học và lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán

tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự, quản lý đầu tư, tập trung nâng cao khả năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số 8: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.142	277.710
Các khoản giảm trừ		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	270.142	277.710
Giá vốn hàng bán	177.928	184.832
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.215	92.878
Doanh thu hoạt động tài chính	696	1.149
Chi phí tài chính	3.938	2.342
Chi phí bán hàng	25.318	27.025
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.373	26.244
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.281	38.416
Thu nhập khác	1.650	1.542
Chi phí khác	1.751	2.336
Lợi nhuận khác	(101,3)	(793,9)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.179	37.622
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.138	4.261
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.042	33.361

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

Công ty đã mở rộng đầu tư, cải tiến và tối ưu hoá công nghệ, năng lực cung cấp các dịch vụ hiện có, đa dạng hoá sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh. Phát huy nguồn nội lực, chọn

lọc và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Bảng số 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2024

Đơn vị tính: Tr.đồng

TÀI SẢN	Năm 2023	Năm 2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	105.736	110.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	79.170	82.896
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.775	11.294
III. Hàng tồn kho	21.417	15.990
IV. Tài sản ngắn hạn khác	373,2	761,3
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	375.962	360.660
I. Tài sản cố định	346.108	325.776
1. TSCĐ hữu hình	345.662	325.528
2. TSCĐ vô hình	447	247
II. Tài sản dở dang dài hạn	16.295	18.008
III. Tài sản dài hạn khác	13.559	16.877
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	481.698	471.602

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Bảng số 10: Tình hình nợ phải trả của Công ty năm 2023 - 2024

Đơn vị tính: Tr.đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	113.628	103.571
I. Nợ ngắn hạn	64.074	59.141
1. Phải trả người bán ngắn hạn	5.181	2.925
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.211	2.454
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.065	3.665
4. Phải trả người lao động	17.272	18.675
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.597	4.114

6. Phải trả ngắn hạn khác	8.255	9.408
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13.918	4.054
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.645	2.384
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.930	11.463
II. Nợ dài hạn	49.553	44.430
1. Phải trả dài hạn khác	25.920	24.850
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.633	19.579

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Tổng Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo vị trí công việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên giám sát hoạt động tài chính cũng như công tác quản lý của Công ty.

Công tác về công bố thông tin theo áp dụng đối với Công ty đại chúng được Ban lãnh đạo Công ty thực hiện nghiêm chỉnh và đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ điều kiện cụ thể về tình hình thị trường, kinh tế xã hội và tốc độ phát triển đô thị hoá của thành phố, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị nhất là mở rộng chiếm lĩnh thị trường, tranh thủ sự ủng hộ của lãnh đạo UBND tỉnh, thành phố cộng đồng dân cư thành phố và các tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, huyện về công tác cung cấp nước sạch cho toàn thành phố và tỉnh. Tiếp tục phát huy ưu thế, tối đa nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng hiệu quả, tăng năng suất lao động, cải tiến công nghệ, thiết bị nhà xưởng nhằm mang lại hiệu quả cao, giảm chi phí đầu vào tạo lợi nhuận và chất lượng cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Biện pháp kỹ thuật:

- Đầu tư thêm trang thiết bị máy móc mới phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý, kiểm tra giám sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất. Ban hành các quy định, quy chế nội bộ như: quy chế quản lý tài chính, quy chế phối hợp làm việc, quy chế tuyển dụng, xây dựng cơ chế khoán nội

bộ.

- Tiêu chuẩn hoá cán bộ, đặc biệt các vị trí chủ chốt từ Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng nghiệp vụ trong Công ty.

- Từng bước sắp xếp bố trí lao động cho hợp lý nhằm phát huy khả năng người lao động một cách hiệu quả nhất, nâng cao trình độ năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý bằng hình thức đào tạo tại chỗ, cử đi học.

- Từng bước nâng cao năng lực, không ngừng cải tiến kỹ thuật phương tiện máy móc, khai thác tối đa công suất phương tiện máy móc, dây truyền thiết bị.

- Liên doanh, liên kết với các cá nhân, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh. Có cơ chế khuyến khích các tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị khai thác và tìm kiếm mở rộng thị trường, tạo thêm việc làm tăng thu nhập cho CBCNV.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để cung cấp các dịch vụ chính của Công ty trong năm: Không

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Dây truyền sản xuất nước tuần hoàn khép kín, không có nước thải ra môi trường. Bùn sau sản xuất được cô đặc thu gom vận chuyển và xử lý.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Không

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không

6.3. Tiêu thụ nước sạch: (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ tốt pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất các lao động đủ việc làm và có thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung của tỉnh Nam Định. Đồng thời thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an

toàn vệ sinh lao động tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động. Giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động. Tặng quà cho người lao động có điều kiện khó khăn, tuyên dương người lao động có thành tích tốt trong công tác. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn diện cho người lao động.

6.6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội, tham gia các phong trào tương thân tương ái, quan hệ mật thiết và phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội ở nơi làm việc.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2024, do ảnh hưởng của hậu dịch bệnh Covid-19 và tình hình chiến sự leo thang tại các nước trên thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty trong đó có doanh nghiệp mình nhưng Hội đồng quản trị đã lãnh đạo toàn diện để Công ty vượt qua mọi khó khăn, thách thức hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

2.1. Những việc đã làm được:

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.
- Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CBCNV để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Những hạn chế cần khắc phục:

Ban lãnh đạo Công ty cần tiếp tục nâng cao công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý. Với kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024 được HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với những thuận lợi và khó khăn của ngành, trong năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ quyết tâm chỉ đạo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

- Tăng cường công tác giám sát chỉ đạo Ban điều hành trong việc triển khai trong lĩnh vực đầu tư XDCCB nhằm đảm bảo đủ nguồn nước cấp và năng lực truyền tải đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

- Phối hợp với BKS nhằm kiểm soát chi phí nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, các cổ đông, người lao động và cộng đồng.

- Tiếp tục chỉ đạo công tác rà soát, tái cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh gọn, hiệu lực hiệu quả; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong điều hành, thực hiện nhiệm vụ SXKD gắn với trách nhiệm trong thực hiện công việc.

- Chỉ đạo theo dõi sát sao chất lượng nước thô đầu vào, xử lý kịp thời những nguy cơ làm ảnh hưởng đến chất lượng nước thương phẩm. Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý và thực tiễn sản xuất, vận hành hệ thống cấp nước.

- Đặc biệt có biện pháp, phương án chống thất thu thất thoát trong toàn Công ty đạt hiệu quả.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng số 11: Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Sỹ Long	Chủ tịch HĐQT	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 201.209 cổ phần, chiếm 0,59% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Nam Định: 16.984.315 cổ phần, chiếm 49,5% vốn điều lệ.
2	Đình Văn Hoà	Phó Chủ tịch HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 122.176 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Du lịch Nam Định: 6.347.673 cổ phần, chiếm 18,50% vốn điều lệ
3	Trần Ngọc Chiến	Phó chủ tịch HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 7.200 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
4	Đỗ Hữu Minh	Thành viên HĐQT – Điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.200 cổ phần chiếm 0,018% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
5	Trần Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT – Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần + Số cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty

			cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong: 4.632.086 cổ phần, chiếm 13,50% vốn điều lệ
6	Kiều Hải Anh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,00%) + Số cổ phần sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần thiết bị xử lý nước SETFIL: 1.726.267 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 5,03%)
7	Ông Trần Hồng Đức	Thành viên HĐQT	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 6.300 cổ phần chiếm 0,018% vốn điều lệ. + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty. HĐQT luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Tổng Giám đốc. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát, năm 2024 Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp và đã quyết định các nội dung quan trọng như:

- Giao cho Ban điều hành ký hợp đồng hợp tác liên danh chủ đầu tư dự án Nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định.
- Giao cho BĐH xây dựng chiến lược phát triển, lập báo cáo khả thi các dự án liên quan đến mở rộng cấp nước thành phố Nam Định và các vùng lân cận.
- Thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2024 với mức 5,6%/VĐL (mỗi cổ phiếu nhận 560đ).

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Bảng số 12: Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Nguyễn Thị Luyến	Trưởng ban kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 56.705 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,16%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
2	Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên Ban Kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 95.509 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,28%)

			+ Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần
3	Phạm Tài Đình	Thành viên Ban Kiểm soát	+ Số cổ phần sở hữu cá nhân: 106.910 cổ phần (Tỷ lệ nắm giữ: 0,31%) + Số cổ phần sở hữu đại diện: 0 cổ phần

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.
- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích:

Bảng số 13: Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2024

Đơn vị tính: Tr.đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích
1	Trần Đăng Quý	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 03/7/2024)	346,09
2	Nguyễn Sỹ Long	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 03/7/2024)	596,89

3	Đinh Văn Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm Tổng giám đốc từ ngày 11/7/2024)	527,20
4	Trần Ngọc Chiến	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	500,63
5	Trần Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT	94,26
6	Kiều Hải Anh	Thành viên HĐQT	94,26
7	Đỗ Hữu Minh	Thành viên HĐQT	510,38
8	Mai Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11/7/2024)	345,75
9	Nguyễn Thị Luyến	Trưởng Ban Kiểm soát	488,63
10	Nguyễn Văn Ngôn	Thành viên Ban kiểm soát	279,82
11	Trần Hồng Đức	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm 30/8/2024)	242,13
12	Phạm Đình Tài	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm 30/8/2024)	241,64
13	Trần Thị Hồng Phấn	Kế toán trưởng	500,81
	Tổng cộng		4.768,49

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty cổ phần thiết bị xử lý nước SETFIL	Cổ đông lớn, Người có liên quan của người nội bộ (Bà Kiều Hải Anh – Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Nam Định, là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị xử lý nước SETFIL)	0102145558, cấp lần đầu ngày 19/01/2007 tại Sở KHĐT Hà Nội	Phòng 107, nhà I9, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tháng 09/2024	07a-2024/NQ-HĐQT ngày 19/7/2024	- Nội dung: Hợp đồng mua đồng hồ nước - Số lượng: 01 chiếc đồng hồ cơ điện tử D300 - Giá trị: 88.830.300 đồng

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

